TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K – TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2020/HSST.
Ngày: 22/9/2020.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K -TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông PhA Đình Toàn.
2. Bà Hoàng Thị Quế.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân (TAD) huyện K, tỉnh G.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện K, tỉnh G tham gia phiên toà**: Ông Trần Vĩnh Tiên - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở TAD huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/HS-ST ngày 03/8/2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân T, sinh năm 1984 tại: Văn GiAg, Hưng Yên; hộ khẩu thường trú (HKTT): Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L, vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Văn S, sinh năm 1989 tại: Yên S, Tuyên QuAg; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Triệu Văn Phúc và bà Triệu Thị Linh, vợ là Hoàng Thị Hà và 02 con; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Trung T, sinh năm 1990 tại: K, G; HKTT: Thôn 5, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phạm Cao T và bà Nguyễn Thị C; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Ma QuAg A, tên gọi khác: Mạnh, sinh năm 1997 tại: Định Hóa, Thái Nguyên; HKTT: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; tiền án: Có 01 tiền án về tội *"trộm cắp tài sản*" và tội *"tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, tiền sự: Không; con ông Ma Văn T và bà Ma Thị S; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Đinh Văn N, sinh năm 1997 tại: K, G; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; tiền án: Có 01 tiền án về tội *"cố ý gây thương tích*", tiền sự: Không; con ông Đinh C và bà Đinh Thị T, vợ là Đinh Thị B và 01 con; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Đinh D, sinh năm 1995 tại: K, G; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông

Đinh A Mơng và bà Đinh Thị Co, vợ là Đinh Thị Lõa và 02 con; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Văn G, sinh ngày 10/7/2002 tại: K, G; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đinh B và bà Đinh Thị S; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Đinh B, sinh năm 1997 tại: K, G; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đinh G và bà Đinh Thị C, vợ là Đinh Thị M và 03 con; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Đinh Văn Hlíp, sinh năm 1989 tại: K, G; HKTT: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đinh N và bà Đinh Thị K, vợ là Đinh Thị N và 02 con; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Đinh T, sinh năm 1993 tại: K, G; HKTT: Làng Hro, xã Krong, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đinh D và bà Đinh Thị N, vợ là Đinh Thị Đ và 02 con; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Văn G**: Bà Đinh Thị Soẽch, sinh năm 1973 và ông Đinh Biết, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

*** Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T:** Bà Cao Thị My Sa - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G (có mặt).

*** Người bị hại:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) Lâm nghiệp Krông Pa;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành V – Phó Giám đốc phụ trách Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa.

Địa chỉ: Xã Krong, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:**

- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1971 (vắng mặt);
-A Nguyễn Văn A, sinh năm 1982 (có mặt);
-A Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 (có mặt);
-Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, trA tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 13/3/2020, Lê Xuân T, Triệu Văn S và Phạm Trung T ngồi uống rượu tại nhà rẫy thuộc làng Tơ Kơr, xã S, huyện K, tỉnh G. Trong lúc ngồi uống rượu, T rủ S và T cùng vào khu vực rừng Tơ NAg thuộc xã Krong, huyện K, tỉnh G để khai thác gỗ hương bán, vì muốn có tiền tiêu xài nên S và T đều đồng ý.

Thực hiện ý định trên nên sáng ngày 14/3/2020, T, T và S điều khiển xe mô tô

vào khu vực rừng Tơ NAg thuộc Lô 01, Khoảnh 7, Tiểu khu 90 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa (Công ty Krông Pa) quản lý thuộc địa giới hành chính xã Krong để tìm cây gỗ Hương để khai thác. Cả bọn đi bộ tìm thì phát hiện 02 cây gỗ Hương nằm cách nhau khoảng 150m, cây còn đứng, đường kính khoảng 0,85m - 0,9m, thân cao hơn 10m có thể khai thác được nên thống nhất sẽ cắt hạ 02 cây này rồi đi về. Ngày 15/3/2020, S và T điều khiển xe mô tô vào khu vực rừng Tơ NAg nghe ngóng tình hình rồi báo lại cho T để thống nhất thời giA đi khai thác vào ngày 17/3/2020.

Sáng ngày 17/3/2020, T gọi S đến nhà và nói: "*Tối nay vào rừng Tơ NAg cắt hạ 02 cây gỗ Hương* ", S đồng ý thì T đưa cho S 2.000.000 đồng để mua xăng, nhớt, thức ăn và nước uống phục vụ việc khai thác gỗ. T nói S chuẩn bị 01 cưa xăng và gọi thêm người để đi phụ làm gỗ. Sau đó, S gọi điện thoại và trực tiếp gặp Ma QuAg A cùng 06 người dân tộc BAa gồm: Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn HLíp, Đinh Văn N cùng trú tại làng Tơ Kơr, xã S và Đinh T, trú tại làng Hro, xã Krong rủ đi vào rừng Tơ NAg khai thác gỗ, tiền công trả 200.000 đồng/ngày/người; tất cả các đối tượng này đều đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho S nói tập trung mọi người tại nhà S để vào rừng khai thác gỗ; sau khi tập hợp đông đủ, T và S mỗi người điều khiển một xe mô tô độ chế mAg theo 01 cưa xăng; A điều khiển 01 xe mô tô độ chế chở theo G và bao đựng thức ăn, nước uống cùng những vật dụng cần thiết; HLíp điều khiển 01 xe mô tô độ chế chở B; còn T, N và D mỗi người điều khiển 01 xe mô tô độ chế đi vào rừng Tơ NAg. Trên đường đi cả bọn gặp T tại làng Tơ Kơr đAg điều khiển xe mô tô độ chế mAg theo 01 cưa xăng rồi cùng vào rừng khai thác gỗ.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, cả bọn đến khu vực rừng Tơ NAg, xã Krong và dừng chân ở suối nước ăn uống, nghỉ ngơi cho đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày thì vào vị trí gốc cây Hương thứ nhất tọa độ điểm (OX: 0501320, OY: 1582311), theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 03. T, S và T lắp cưa xăng, những người còn lại dùng dao rựa phát dọn quA gốc. Sau đó T trực tiếp dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương và làm đổ lây 01 cây gỗ Nhọc (theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 04). T, S và T mỗi người dùng 01 cưa xăng tiếp tục cắt cây gỗ Hương thành 04 lóng gỗ dài từ 02-2,2m. D, B và G phụ bật mực đánh dấu vị trí để T, S và T xẻ từng lóng gỗ thành hộp có kích thước rộng 30-72cm, dày 5-23cm, dài 2-2,2m, những người còn lại phụ bắn lật gỗ. Sau khi xẻ được một số hộp gỗ, T nói với A và một số người dân tộc BAa vận chuyển gỗ về nơi tập kết bốc lên xe ô tô, số còn lại tiếp tục cưa, xẻ gỗ. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô độ chế đi trước dẫn đường để A, D, B, HLíp, T và N mỗi người điều khiển 01 xe mô tô độ chế chở gỗ theo sau về vị trí tập kết trên đỉnh đồi K. Ngay sau khi Đinh B đổ gỗ xuống bãi tập kết thì điều khiển xe quay lại cùng G phụ T, S xẻ gỗ. Lúc này là khoảng 22 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho Bùi Văn C sinh năm 1971, trú tại thôn 2, xã S thuê xe ô tô độ chế vào rừng để vận chuyển gỗ về xã S. Do C đAg ở thị trấn K nên C gọi điện thoại cho Nguyễn Văn A sinh năm 1982, trú tại thôn 2, xã S là lái xe thuê cho C nói A lấy xe ô tô độ chế đi chở gỗ cho T. A đồng ý và điều khiển xe ô tô độ chế đến nhà rẫy của T thuộc làng Tơ Kơr để đón Nguyễn Văn H đi chở gỗ. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/3/2020, tại vị trí cây gỗ Hương thứ nhất có S và T đAg T hành cưa, xẻ lóng gỗ thứ ba, G và B phụ xẻ gỗ. Như đã thống nhất từ trước, T nói S là qua cắt hạ cây gỗ Hương thứ hai và gọi B xách cưa xăng đi cùng. T đi trước dẫn đường qua suối cạn, B lấy cưa xăng do G vừa đổ xăng,

nhớt đi theo. Đến vị trí cây gỗ Hương thứ hai tọa độ điểm (OX: 0501212,OY: 1582337), theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 01. T dùng dao phát dọn quA gốc cây rồi trực tiếp dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương này. Cắt hạ cây gỗ Hương xong, T và B quay lại cùng S tiếp tục xẻ hết số gỗ còn lại để đồng bọn vận chuyển đi. Cùng thời giA này, T gọi điện thoại cho H nói đến nhà rẫy của T tại làng Tơ Kơr để đi cùng xe ô tô độ chế của C lên đỉnh K bốc gỗ. H đồng ý và nói với T là thấy lực lượng bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp S đi về hướng xã Đăk Smar để bắt gỗ. Nghe vậy, T yêu cầu A, D, HLíp, T và N dừng nghỉ tại bãi tập kết để tránh bị phát hiện. Đồng thời, T gọi điện thoại cho T thông báo nội dung trên thì nghe T nói lại là đã cắt hạ xong cây gỗ Hương thứ hai, T nói T cố gắng xẻ cho gọn, lấy được bao nhiêu thì lấy.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, A điều khiển xe ô tô độ chế cùng với H đến đỉnh K thì T nói A nổ máy nhả cáp để H kéo, quấn vào các hộp gỗ đưa lên xe độ chế, A kéo gỗ lên thùng xe để T xếp và tháo cáp. Còn A, D, HLíp, T và N tiếp tục quay lại chở hết số hộp gỗ xẻ được từ cây gỗ Hương thứ nhất đến vị trí tập kết để T, A và H kéo lên thùng xe. Đến khoảng 03 giờ ngày 18/3/2020, T cùng đồng bọn bốc xếp 24 hộp gỗ Hương lên thùng xe ô tô độ chế. T nói A điều khiển xe ô tô độ chế chở gỗ về rẫy của T thuộc làng Tơ Kơr rồi cùng N, D điều khiển xe mô tô độ chế chạy trước để cảnh giới. A, HLíp và T điều khiển xe mô tô độ chế quay lại rừng Tơ NAg phụ T và S tiếp tục khai thác gỗ. Khoảng 04 giờ 30 cùng ngày, khi xe ô tô độ chế do A điều khiển đến cách làng Tơ Kơr khoảng 1,5 km thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ. A và H nhảy xuống xe chạy trốn; T, N và D điều khiển xe mô tô độ chế chạy trốn rồi thông báo cho S và T biết để dọn đồ đạc đi về. Sau khi nghe điện thoại của T, T và S dùng cưa xăng băm nhỏ bìa gỗ, cành và ngọn cây để những người còn lại gom thành 02 đống tại gốc, ngọn cây rồi tấp lá vào đốt phi tAg, xóa dấu vết. Sau đó, cả bọn trốn khỏi hiện trường và chưa kịp xẻ hộp cây gỗ Hương thứ hai. Lực lượng của Tổ liên ngành huyện K phối hợp cùng Công A huyện K đã kiểm tra, phát hiện vụ vận chuyển gỗ trái phép nên tạm giữ tAg vật là xe ô tô độ chế không biển kiểm soát và 24 hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Hương với tổng khối lượng: 4,308 m^3 tại Tiểu khu 120, xã S theo quy định. Lực lượng chức năng T hành mở rộng hiện trường tìm kiếm, lần theo dấu vết trên đường vào rừng và đã phát hiện hiện trường vụ khai thác gỗ trái phép nêu trên.

Ngày 19/3/2020, Cơ quA Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công A huyện K đã phối hợp các cơ quA chức năng T hành khám nghiệm hiện trường vụ khai thác gỗ trái phép, kết quả khám nghiệm xác định: Vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại Lô 1, Khoảnh 7, Tiểu khu 90 lâm phần Công ty Krông Pa quản lý thuộc địa giới hành chính xã Krong, huyện K, tỉnh G; thuộc loại rừng sản xuất; trạng thái rừng thường xA nghèo; qua khám nghiệm phát hiện có 06 cây gỗ gồm: 04 cây gỗ Hương nhóm I (cây số 01, số 02, số 03 và số 05), 01 cây Nhọc (cây số 04); 01 cây SP5 (cây số 06) bị khai thác trái phép; trong số 06 cây có 04 cây gỗ Hương bị cắt hạ bằng cưa xăng, 01 cây Nhọc và 01 cây SP5 bị đổ lây; tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 03 cây gồm cây Hương (cây số 01), cây Nhọc (cây số 04), cây SP5 (cây số 06) là 12,588 m^3, 03 cây Hương còn lại (cây số 02, số 03 và số 05) chưa xác định được khối lượng cụ thể.

Quá trình điều tra, Cơ quA CSĐT Công A huyện K thu giữ vật chứng liên quA đến vụ án gồm:

- 10 đèn pin đội đầu (06 cái màu đen, 04 cái màu vàng).

- 03 máy cưa xăng (01 máy cưa xăng có đặc điểm màu cam đã cũ ,không nhãn hiệu, 01 dây xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 70cm; 01 máy cưa xăng màu vAg- cam, nhãn hiệu STIHL, 01 lam và 01 xích cưa xăng dài 80cm; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu STIHL, 01 xích cưa xăng và 01 lam cưa xăng dài 97cm).

- 01 con dao rựa có đặc điểm dài 41cm, lưỡi bằng kim loại, dài 26cm, cán bằng gỗ.

- 24 hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Hương với tổng khối lượng 4,308m^3.

- 01xe ô tô độ chế;

- 08 xe mô tô độ chế, không biển kiểm soát;

- 07 cái điện thoại (01 cái điện thoại NOKIA màu đen, nhãn hiệu N1280; 05 cái điện thoại NOKIA 105; 01 cái điện thoại NOKIA 1280, vỏ màu tím).

Ngày 03/7/2020, Cơ quA CSĐT Công A huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng:

- Chuyển giao 24 hộp gỗ Hương khối lượng 4,308m^3 cho Hạt Kiểm lâm huyện K quản lý, bảo quản và bán đấu giá sung Ngân sách Nhà nước.

+ Chuyển giao 10,05m^3 gỗ Hương (Công ty Krông Pa đAg quản lý) cho Hạt Kiểm lâm huyện K T hành thu giữ, bảo quản và bán đấu giá sung Ngân sách Nhà nước.

Ngày 20/3/2020, Hạt Kiểm lâm huyện K đã trưng cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh G giám định vị trí, loại rừng, khối lượng gỗ thiệt hại của 06 cây gỗ trong đó (03 cây đã xác định được khối lượng là 12,588m^3 gồm các cây số 1,4 và 6; 03 cây chưa xác định được khối lượng gồm các cây 2,3 và 5) theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/3/2020.

Kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh G ngày 23/3/2020 đã xác định:

- Vị trí: Tại Khoảnh 7, Tiểu khu 90 thuộc địa giới hành chính xã Krong, huyện K, tỉnh G.

- Loại rừng: tại Khoảnh 7, Tiểu khu 90, xã Krong, huyện K, tỉnh G thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất.

- Tổng khối lượng gỗ thiệt hại 03 cây gỗ chưa xác định được khối lượng (các cây số 2,3 và 5) là 13,051 m^3, gồm:

+ Khối lượng gỗ nhỏ: 00m^3.

+ Khối lượng gỗ lớn: 11,187 m^3.

+ Khối lượng gỗ cành ngọn: 1,864m^3.

+ Củi thiệt hại: 1,553 Ster.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 19/3/2020 và Kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh G ngày 23/3/2020 xác định các cây gỗ bị khai thác trái phép có khối lượng gỗ thiệt hại cụ thể như sau:

+ Cây gỗ thứ nhất (cây số 01): Chủng loại gỗ Hương, tọa độ điểm (OX: 0501212, OY: 1582337), khối lượng gỗ thiệt hại là: 10,368 m^3.

+ Cây gỗ thứ hai (cây số 02): Chủng loại gỗ Hương, tọa độ điểm (OX: 0501211, OY: 1582283), khối lượng gỗ thiệt hại là: 5,434 m^3.

+ Cây gỗ thứ ba (cây số 03): Chủng loại gỗ Hương, tọa độ điểm (OX: 0501320, OY: 1582311), khối lượng gỗ thiệt hại là: 4,446 m^3.

+ Cây gỗ thứ bốn (cây số 04): Chủng loại gỗ Nhọc, tọa độ điểm (OX: 0501324, OY: 1582302), khối lượng gỗ thiệt hại là: 0,762 m^3;

+ Cây gỗ thứ năm (cây số 05): chủng loại gỗ Hương, tọa độ điểm (OX:

0501351, OY: 1582292), khối lượng gỗ thiệt hại là: 3,171 m^3;

+ Cây gỗ thứ sáu (cây số 06): Chủng loại gỗ SP5, tọa độ điểm (OX: 0501341, OY: 1582314), khối lượng gỗ thiệt hại là: 1,457 m^3.

Ngày 07/5/2020, Cơ quA CSĐT Công A huyện K đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện K (Hội đồng định giá tài sản) về trị giá thiệt hại của tổng khối lượng gỗ bị cắt hạ, gỗ còn lại tại hiện trường, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên. Tại Kết luận định giá số: 19/KL-HĐĐG ngày 16/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận:

Giá trị thiệt hại của 15,576 m^3 gỗ tròn các loại tại thời điểm 3/2020 là 774.772.400 đồng (*bảy trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, bốn trăm đồng)*.

Giá trị thiệt hại của 0,529 Ster củi tại thời điểm tháng 3/2020 là 264.500 đồng (*hai trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*).

Giá trị gỗ còn lại hiện trường có khối lượng 10,05m^3 tại thời điểm tháng 3/2020 là 566.849.600 đồng (*năm trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, sáu trăm đồng*).

Giá trị phải bồi thường của của 15,576 m^3 gỗ tròn và 0,529 Ster, thuộc loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc Lô 1, Khoảnh 7, Tiểu khu 90 lâm phần Công ty Krông Pa là 2.179.474.000 đồng (*hai tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm đồng*).

Ngày 12/6/2020, Cơ quA CSĐT Công A huyện K trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, định giá 24 hộp gỗ Hương có khối lượng 4,308m^3 là vật chứng thu giữ được. Tại Kết luận định giá số 26/KL-HĐĐG ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị của 24 hộp gỗ xẻ Hương có khối lượng 4,308m^3 là 353.824.000 đồng *(ba trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng).*

Quá trình điều tra, Lê Xuân T, Phạm Trung T và Triệu Văn S cùng đồng bọn khai nhận hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ Hương và làm đổ 01 cây Nhọc tại Khoảnh 7, Tiểu khu 90 lâm phần Công ty Krông Pa quản lý. Ngày 10/4/2020 Cơ quA CSĐT Công A huyện K T hành thực nghiệm điều tra, cho Lê Xuân T, Phạm Trung T và Triệu Văn S đến hiện trường vụ khai thác gỗ và chỉ các cây khai thác. Theo Kết quả khám nghiệm hiện trường và kết quả thực nghiệm điều tra xác định 02 cây gỗ Hương và 01 cây Nhọc mà T, S, T cùng đồng bọn khai thác trái phép là:

Cây gỗ Hương có tọa độ điểm (OX: 0501212, OY: 1582337) theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 01, khối lượng gỗ thiệt hại là: 10,368 m^3; cây gỗ Hương có tọa độ điểm (OX: 0501320, OY: 1582311) theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 03, khối lượng gỗ thiệt hại là: 4,446 m^3; cây gỗ Nhọc có tọa độ điểm (OX: 0501324, OY: 1582302), theo biên bản khám nghiệm hiện trường là cây số 04, khối lượng gỗ thiệt hại là: 0,762 m^3. Tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 03 cây do hành vi khai thác trái phép của T, T, S cùng đồng bọn gây ra là 15,576 m^3.

Riêng đối với 02 cây Hương (cây số 02 và số 05) và 01 cây SP5 (cây số 06), quá trình điều tra xác định số cây này do Nguyễn Khắc Song, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 12, thị trấn K, huyện KbA, tỉnh G cùng đồng bọn khai thác trái phép, giữa nhóm của Song và nhóm của T không liên quA với nhau nên Cơ quA CSĐT Công A tỉnh G đã tách thành 02 vụ án hình sự để điều tra.

Trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án: Giá trị phải bồi thường của 15,576 m^3 gỗ tròn bị thiệt hại và 0,529 Ster củi, thuộc loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc khoảnh 07, tiểu khu 90 lâm phần Công ty Krông Pa quản lý theo Thông tư 32/2018/BNNPTNT do các đối tượng T, S, T cùng đồng bọn cắt hạ, khai thác trái phép là 2.325.110.700 đồng (thiệt hại môi trường) + giá trị thiệt hại gỗ của 03 cây với khối lượng 15,576m^3 là 774.772.400 đồng + giá trị của 0,529 Ster củi là 264.500 đồng = 3.100.147.600 đồng *(ba tỷ, một trăm triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng).*

Giá trị của 24 hộp gỗ Hương với khối lượng 4,308m^3 thu giữ được là 353.824.000 đồng, giá trị của 10,05m^3 gỗ Hương còn lại hiện trường thu được là 566.849.600 đồng. Sau khi trừ đi số gỗ thu giữ được, các bị cA T, S, T, A, D, G, B, HLíp, T và N có trách nhiệm liên đới bồi thường sung Ngân sách Nhà nước số tiền 2.179.474.000 đồng *(hai tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi bốn ngàn).*

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 30/7/2020, VKSND huyện K, tỉnh G đã truy tố Lê Xuân T, Phạm Trung T, Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T về tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 *(sau đây gọi tắt là BLHS).*

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện K, tỉnh G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội dA, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Lê Xuân T, Phạm Trung T, Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*. Đề nghị áp dụng b khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của BLHS đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo Lê Xuân T, Phạm Trung T, Triệu Văn S, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo Triệu Văn S và điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với các bị cáo Ma QuAg A và Đinh Văn N; áp dụng thêm các Điều 91 và 101 của BLHS đối với bị cáo Đinh Văn G để xử phạt Lê Xuân T từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng tù, Triệu Văn S và Phạm Trung T mỗi bị cáo từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 10 tháng tù, Ma QuAg A và Đinh Văn N mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù; Đinh D, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T mỗi bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Đinh Văn G từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với tổng số tiền là 2.179.474.000 đồng và tuyên sung ngân sách Nhà nước 5.000.000 đồng là số tiền bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số gỗ vật chứng là 24 hộp gỗ Hương khối lượng 4,308m^3 và 10,05m^3 gỗ Hương thu giữ tại hiện trường đã được chuyển giao cho Hạt Kiểm lâm huyện K, tỉnh G làm thủ tục bán sung ngân sách Nhà nước nên không cần xem xét xử lý nữa.

- Đối với chiếc xe ô tô độ chế của Bùi Văn C, do hành vi vận chuyển gỗ trái phép của C bị xử phạt vi phạm hành chính nên đề nghị chuyển chiếc xe này cho Hạt

Kiểm lâm huyện K, tỉnh G xử lý theo vụ việc hành chính đối với C.

- Về các vật chứng khác thì đề nghị tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 máy cưa xăng màu cam đã cũ không có nhãn hiệu, có 01 dây xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 70cm.

+ 01 máy cưa xăng màu vàng cam, nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 80cm.

+ 01 máy cưa xăng màu cam nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng và 01 lam cưa xăng dài 97cm.

- Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng là:

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu xA, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280, vỏ màu tím, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, số Imeil1: 355752101687801, số Imeil 2: 355752103687809.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 352877105708973.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen xA, đã qua sử dụng, số Imeil 1: 357709102269862, số Imeil2: 357709104269860.

+ 01 điện thoại di động Nokia N1280, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 354310/04/500699/1.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị nứt, đã qua sử dụng, số Imeil: 352891103458168.

+ 08 xe mô tô độ chế, không biển số, không số khung, không số máy, xe hư hỏng nặng.

+ 01 con dao có đặc điểm dài 41cm, lưỡi bằng kim loại, dài 26cm, cán bằng gỗ.

+ 10 đèn pin đội đầu; trong đó 06 cái màu đen, 04 cái màu vàng.

Về án phí: Buộc các bị cáo T và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) và dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

Đề nghị miễn án phí HSST và DSST cho các bị cáo S, A, N, D, G, B, Hlip và T.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không trA luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin khoA hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T trình bày nội dung bào chữa: Nhất trí với tội dA và điều luật mà Bản cáo trạng của VKSND huyện K, tỉnh G đã truy tố đối với các bị cáo nói trên và đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trước khi quyết định hình phạt, đó là:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nói trên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; các bị cáo nói trên đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức còn N hạn chế; kinh tế gia đình các bị cáo

gặp N khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo như quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; các bị cáo S, D, G, B, Hlíp và T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Đinh Văn G phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 91 và 101 của BLHS. Vì vậy, đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo nói trên mức hình phạt ở mức thấp nhất mà VKSND huyện K đã đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét mức bồi thường phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo.

Về án phí: Do các bị cáo Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo; các bị cáo đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định nên đề nghị HĐXX miễn án phí HSST và DSST cho các bị cáo nói trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA A Nguyễn Văn A, A Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu không đưa ra yêu cầu để được xem xét và không có ý kiến trA luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, trA tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA CSĐT Công A huyện K, Điều tra viên, VKSND huyện K, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện của người bị hại, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quA T hành tố tụng, của người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quA T hành tố tụng, của người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Lê Xuân T, Triệu Văn S, Phạm Trung T, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quA CSĐT Công A huyện K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Tối ngày 13/3/2020, Lê Xuân T đã rủ Phạm Trung T và Triệu Văn S vào khu vực rừng Tơ NAg thuộc xã Krong, huyện K, tỉnh G để khai thác gỗ Hương bán và được T cùng S đồng ý. Đến sáng ngày 14/3/2020, T, T và S đi vào khu vực rừng Tơ NAg tìm và phát hiện được hai cây gỗ Hương có thể khai thác nên cả ba thống nhất sẽ cắt hạ 02 cây gỗ này. Sáng ngày 17/3/2020, T gọi S nói tối đi khai thác gỗ và đưa cho S 2.000.000 đồng để mua xăng, nhớt, thức ăn và nước uống phục vụ việc khai thác gỗ; T cũng nói S chuẩn bị 01 cưa xăng và gọi thêm người để đi phụ làm gỗ. Sau đó S đã gọi rủ Ma QuAg A, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn HLíp, Đinh Văn N và Đinh T đi khai thác gỗ thuê, tiền công là 200.000 đồng/người/ngày và được 07 đối tượng này

đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho S nói tập trung tại nhà S để vào rừng khai thác gỗ.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/3/2020, T cùng đồng bọn đi vào khu vực Lô 1, Khoảnh 7, Tiểu khu 90 lâm phần của Công ty Krông Pa quản lý. Sau đó, T đã dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương thứ nhất và làm đổ lây 01 cây gỗ Nhọc, những người còn lại phụ giúp lắp máy cưa xăng, phát dọn dây leo quA gốc cây. Sau khi cắt hạ cây gỗ, T, S và T mỗi người dùng 01 cưa xăng cắt cây gỗ thành 04 lóng rồi xẻ hộp theo quy cách, những người còn lại phụ bắn lật gỗ. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng với A, D, B, HLíp, T, N và G dùng xe mô tô độ chế để vận chuyển gỗ về nơi tập kết, số còn lại tiếp tục cưa và xẻ gỗ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho Bùi Văn C thuê xe ô tô độ chế vào rừng để vận chuyển gỗ về xã S, C đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn A là lái xe thuê cho C nói A lấy xe ô tô độ chế đi chở gỗ cho T. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đAg xẻ cây gỗ Hương thứ nhất thì T nói S qua cắt hạ cây gỗ Hương thứ hai và gọi B xách cưa xăng đi cùng. Đến vị trí cây gỗ Hương thứ hai, T dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ đổ xuống rồi cùng B quay lại chỗ S tiếp tục cưa và xẻ gỗ. Cùng thời giA này, T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H nói đến nhà rẫy của T tại làng Tơ Kơr để đi cùng xe ô tô độ chế của C lên đỉnh K bốc gỗ. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, A điều khiển xe ô tô độ chế cùng với H đến đỉnh K để bốc gỗ.

Đến khoảng 03 giờ ngày 18/3/2020, T cùng đồng bọn bốc xếp được 24 hộp gỗ Hương lên thùng xe ô tô độ chế. T nói A điều khiển xe ô tô độ chế chở gỗ về rẫy của T thuộc làng Tơ Kơr rồi cùng N và D điều khiển xe mô tô độ chế chạy trước để cảnh giới. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe ô tô độ chế do A điều khiển đến cách làng Tơ Kơr khoảng 1,5 km thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ, các đối tượng bỏ lại xe độ chế chở 24 hộp gỗ Hương và bỏ trốn. Trong quá trình chạy trốn, T gọi điện thoại báo cho S và T biết nên S và T dùng cưa xăng băm nhỏ bìa gỗ, cành và ngọn cây để những người còn lại gom thành hai đống tại gốc, ngọn cây rồi tấp lá vào đốt phi tAg, xóa dấu vết rồi đi về.

Tại Kết luận giám định ngày 23/3/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh G đã xác định khối lượng của các cây gỗ bị các bị cáo khai thác trái phép là: Cây gỗ Hương thứ nhất có khối lượng 10,368 m^3, cây gỗ Hương thứ hai có khối lượng 4,446 m^3 và cây gỗ Nhọc đổ lây có khối lượng 0,762 m^3; tổng khối lượng của 03 cây là 15,576 m^3 gỗ cùng 0,529 Ster củi.

Như vậy, hành vi nêu trên của Lê Xuân T, Triệu Văn S, Phạm Trung T, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T đã phạm vào tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 BLHS như truy tố của VKSND huyện K là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng của đất nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty Krông Pa. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo biết được việc khai thác gỗ rừng trái phép bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Các bị cáo là đồng phạm

với nhau trong vụ án này; trong đó, Lê Xuân T là người giữ vai trò chính, đã khởi xướng, rủ rê và trực tiếp điều hành các bị cáo khác trong quá trình khai thác gỗ, trực tiếp gọi điện thuê các đối tượng C, H và A vận chuyển gỗ; các bị cáo Phạm Trung T và Triệu Văn S là đồng phạm tích cực, trực tiếp trao đổi, bàn bạc và cùng với T lên khu vực rừng Tơ NAg để tìm cây gỗ khai thác, trong đó S là người chuẩn bị xăng, nhớt, thức ăn, nước uống để đi khai thác gỗ và rủ các bị cáo A, N, D, G, B, HLíp, T đi khai thác gỗ thuê, T là người trực tiếp cắt hạ 02 cây gỗ Hương; 07 bị cáo còn lại trong vụ án giữ vai trò thứ yếu, là đồng phạm thực hành đi khai thác gỗ thuê.

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tình tiết tăng nặng): Các bị cáo Lê Xuân T, Phạm Trung T, Triệu Văn S, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh T và Đinh Văn Hlíp đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội và phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Ma QuAg A có 01 tiền án về tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" và tội: "*Trộm cắp tài sản*", bị TAD huyện K xử phạt chung cho cả hai tội là 33 tháng tù tại Bản án số: 02/2018/HSST ngày 11/01/2018; bị cáo Đinh Văn N có 01 tiền án về tội: "*Cố ý gây thương tích*", bị TAD huyện K xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số: 27/2017/HSST ngày 28/9/2017; hai bị cáo này đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nên ở lần phạm tội này, các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo Triệu Văn S là người trực tiếp thuê Đinh Văn G đi khai thác gỗ thuê khi G chưa đủ 18 tuổi nên thuộc tình tiết tăng nặng là: *"Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"* quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (tình tiết giảm nhẹ): Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo T, T, S, D, G, B, T và Hlíp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được một phần nhỏ so với giá trị thiệt hại là 5.000.000 đồng, có bố là người có công với cách mạng; bị cáo T có thời giA tham gia nghĩa vụ quân sự; các bị cáo S, A, N, D, B, G, T và Hlíp đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức còn N hạn chế, kinh tế gia đình các bị cáo gặp N khó khăn là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức còn N hạn chế, cần áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 91 và 101 của BLHS đối với bị cáo.

Qua xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xa hội một thời giA để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung. HĐXX cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo. Trong đó, xét vị trí và vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Mức hình phạt cao nhất cần được áp dụng đối với bị cáo T, kế tiếp theo là mức hình phạt áp dụng cho bị cáo S và bị cáo T, thấp hơn bị cáo S và bị cáo T là mức hình phạt

áp dụng cho bị cáo A và bị cáo N, thấp hơn bị cáo A và bị cáo N là mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo D, B, Hlíp và T, mức hình phạt thấp nhất trong số các bị cáo được áp dụng cho bị cáo Đinh Văn G là hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Liên quA đến vụ án này có Bùi Văn C, Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn H có hành vi chở gỗ thuê cho Lê Xuân T cùng đồng bọn. Do hành vi vận chuyển gỗ thuê với khối lượng 4,308m^3 của C, A và H chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên hành vi này bị xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật. Vì vậy, Bùi Văn C, Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA trong vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Qua định giá tài sản đã xác định giá trị thiệt hại của 15,576 m^3 gỗ tròn là 774.772.400 đồng và 0,529 Ster củi là 264.500 đồng. Như vậy, giá trị thiệt hại về môi trường là: (774.772.400đ + 264.500đ) x 3 = 2.325.110.700 đồng và tổng giá trị thiệt hại sẽ là 3.100.147.600 đồng.

Giá trị của số gỗ thu giữ được, gồm: 10,05m^3 gỗ tại hiện trường là 566.849.600 đồng và 24 hộp gỗ Hương xẻ khối lượng 4,308m^3 là 353.824.000 đồng, tổng giá trị gỗ thu giữ được là 920.673.600 đồng.

Như vậy, giá trị thiệt hại các bị cáo còn phải bồi thường là 3.100.147.600đ - 920.673.600đ = 2.179.474.000 đồng . Do các bị cáo là đồng phạm trong vụ án nên phải cùng liên đới bồi thường giá trị thiệt hại trên cho Nhà nước; trong đó xét vị trí, vai trò của các bị cáo, HĐXX chia theo phần nghĩa vụ của từng bị cáo như sau: Bị cáo T giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 17% giá trị thiệt hại với số tiền là 370.510.580 đồng, được trừ vào 5.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải bồi thường là 365.510.580 đồng; các bị cáo S và T giữa vai trò đồng phạm, tích cực giúp sức cho bị cáo T trong việc khai thác gỗ trái phép nên mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 12% giá trị thiệt hại với số tiền là 261.536.880 đồng; 06 bị cáo giữ vai trò đồng phạm thứ yếu trong vụ án là Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 9% giá trị thiệt hại với số tiền là 196.152.660 đồng; đối với bị cáo Đinh Văn G là đồng phạm thứ yếu và khi phạm tội là người chưa thành niên nên phải bồi thường tương ứng với 5% giá trị thiệt hại với số tiền là 108.973.700 đồng, nếu bị cáo G không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ bị cáo là ông Đinh Biết và bà Đinh Thị Soẽch phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo như quy định tại Điều 586 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số gỗ vật chứng là 24 hộp gỗ Hương khối lượng 4,308m^3 và 10,05m^3 gỗ Hương thu giữ tại hiện trường đã được chuyển giao cho Hạt Kiểm lâm huyện K, tỉnh G làm thủ tục bán sung ngân sách Nhà nước nên HĐXX không xem xét đến nữa.

Đối với chiếc xe ô tô độ chế của Bùi Văn C, do hành vi vận chuyển gỗ trái phép của C bị xử phạt vi phạm hành chính nên cần giao chiếc xe này cho Hạt Kiểm lâm huyện K, tỉnh G xử lý theo vụ việc hành chính đối với C.

Đối với các vật chứng khác thì cần tuyên tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 máy cưa xăng màu cam đã cũ không có nhãn hiệu, có 01 dây xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 70cm.

+ 01 máy cưa xăng màu vàng cam, nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 80cm.

+ 01 máy cưa xăng màu cam nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng và 01 lam cưa xăng dài 97cm.

Cần tuyên tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng không còn giá trị sử dụng là:

+ 01 con dao có đặc điểm dài 41cm, lưỡi bằng kim loại, dài 26cm, cán bằng gỗ.

+ 10 đèn pin đội đầu; trong đó 06 cái màu đen, 04 cái màu vàng.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu xA, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280, vỏ màu tím, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, số Imeil1: 355752101687801, số Imeil 2: 355752103687809.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 352877105708973.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen xA, đã qua sử dụng, số Imeil 1: 357709102269862, số Imeil2: 357709104269860.

+ 01 điện thoại di động Nokia N1280, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 354310/04/500699/1.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị nứt, đã qua sử dụng, số Imeil: 352891103458168.

+ 08 xe mô tô độ chế, không biển số, không số khung, không số máy, xe hư hỏng nặng.

[8] Về án phí: Các bị cáo T và T phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Các bị cáo S, A, N, D, G, B, Hlíp và T là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận miễn án phí HSST và DSST cho các bị cáo này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân T, Triệu Văn S, Phạm Trung T, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T phạm tội*: "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của BLHS đối với tất cả các bị cáo;

- Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo Lê Xuân T, Triệu Văn S, Phạm Trung T, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T;

- Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo Ma QuAg A

và bị cáo Đinh Văn N;

- Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Triệu Văn S;

- Áp dụng thêm các Điều 91 và 101 của BLHS đối với bị cáo Đinh Văn G;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 02 *(hai)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam giữ (ngày 08/4/2020).

Xử phạt bị cáo Triệu Văn S 01 *(một)* năm 08 *(tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam giữ (ngày 08/4/2020).

Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 01 *(một)* năm 08 *(tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam giữ (ngày 08/4/2020).

Xử phạt bị cáo Ma QuAg A 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn N 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh D 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh B 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Hlíp 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh T 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn G 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 điều 48 của BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của BLDS năm 2015 và Thông tư số: 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Buộc các bị cáo Lê Xuân T, Triệu Văn S, Phạm Trung T, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T phải liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền là 2.179.474.000 đồng; trong đó, chia theo phần thì bị cáo T phải bồi thường là 370.510.580 đồng, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải bồi thường 365.510.580 đồng; các bị cáo S và T mỗi bị cáo phải bồi thường là 261.536.880 đồng; các bị cáo Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T mỗi bị cáo phải bồi thường là 196.152.660 đồng; bị cáo Đinh Văn G phải bồi thường là 108.973.700 đồng, nếu bị cáo G không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ bị cáo là ông Đinh Biết và bà Đinh Thị Soẽch phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo như quy định tại Điều 586 BLDS năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các bị cáo thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của BLDS.

Tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng *(theo Biên lai số 0001540 ngày 11/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G).*

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS và khoản 2 Điều 106 của BLTTHS;

Tuyên tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 máy cưa xăng màu cam đã cũ không có nhãn hiệu, có 01 dây xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 70cm.

+ 01 máy cưa xăng màu vàng cam, nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng, 01 lam cưa dài 80cm.

+ 01 máy cưa xăng màu cam nhãn hiệu STIHL có 01 xích cưa xăng và 01 lam cưa xăng dài 97cm.

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao có đặc điểm dài 41cm, lưỡi bằng kim loại, dài 26cm, cán bằng gỗ.

+10 đèn pin đội đầu; trong đó 06 cái màu đen, 04 cái màu vàng.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu xA, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280, vỏ màu tím, đã qua sử dụng, máy không có số Imeil.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, số Imeil1: 355752101687801, số Imeil 2: 355752103687809.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 352877105708973.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen xA, đã qua sử dụng, số Imeil 1: 357709102269862, số Imeil2: 357709104269860.

+ 01 điện thoại di động Nokia N1280, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imeil: 354310/04/500699/1.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, màn hình bị nứt, đã qua sử dụng, số Imeil: 352891103458168.

+ 08 xe mô tô độ chế, không biển số, không số khung, không số máy, xe hư hỏng nặng.

Giao cho Hạt Kiểm lâm huyện K, tỉnh G 01 xe ô tô độ chế của Bùi Văn C để xử lý theo vụ việc hành chính đối với C.

(đặc điểm cụ thể của vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2019 giữa Công A huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 LTHADS.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Xuân T và Phạm Trung T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Buộc bị cáo Lê Xuân T phải chịu 18.525.529 đồng và bị cáo Phạm Trung T phải chịu 13.076.844 đồng đồng án phí DSST.

Miễn cho các bị cáo Triệu Văn S, Ma QuAg A, Đinh Văn N, Đinh D, Đinh Văn G, Đinh B, Đinh Văn Hlíp và Đinh T án phí HSST và DSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAD tỉnh G xét xử phúc thẩm. Thời hạn và quyền kháng cáo nêu trên đối với đại diện của người

bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày người đó nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
-TAD tỉnh;
-VKSND huyện;
-Công A huyện;
-Các bị cáo;
-Người bị hại;
-Người bào chữa;
-Chi cục THADS huyện
(khi án có HLPL);
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Nguyên